TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **35** /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 03 - 2023
V/v: " *Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiến Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoài Đức Huệ

2. Ông Trần Minh Giám

Thư ký phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 633/2022/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số: 164/2023/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thân Thị Ngọc L**, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ 9, ấp S, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Huy P**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 9, ấp S, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 11 năm 2022, bản tự khai ngày 09 tháng 12 năm 2022 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, chị Thân Thị Ngọc L trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh P tự nguyện chung sống vào năm 2008, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01/2008 ngày 28/2/2008. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm

2019 thì phát sinh mâu thuẫn là do anh P thường xuyên đánh đập con cái trong gia đình và không lo cho gia đình. Chị L đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh P vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi. Hai vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành, nay chị L và anh P đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Trong khoảng thời gian đó chị L có cho anh P cơ hội để hai vợ chồng về đoàn tụ với nhau và xây dựng gia đình nhưng không có kết quả. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn gia đình không thể đoàn tụ nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy M, sinh ngày 17/02/2009 và cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 25/02/2013. Ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và tạm thời không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng cho con.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết

- Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Vì bận công việc ở xa không thể đến tham gia phiên tòa nên chị L có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Bị đơn anh Nguyễn Huy P đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị L là có cơ sở nên đề nghị chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh P. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Duy M, sinh ngày 17/02/2009 và cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 25/02/2013, đề nghị Tòa án giải quyết giao 02 con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, tạm thời anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên đề nghị không xem xét; Nợ chung: Không có nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị L phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Thân Thị Ngọc L có đơn xin vắng mặt,

bị đơn anh Nguyễn Huy P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử theo quy định.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Thân Thị Ngọc L xin ly hôn với anh Nguyễn Huy P. Anh P hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp S, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ pháp luật được xác định là "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*". Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Thân Thị Ngọc L, bị đơn là anh Nguyễn Huy P.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện:

3.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Thân Thị Ngọc L và anh Nguyễn Huy P chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01/2008 ngày 28/02/2008 nên căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân trên được xem là hợp pháp. Nay Chị L yêu cầu giải quyết ly hôn với anh P vì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng hòa giải đoàn tụ.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị L khai là do vợ chồng không có tiếng nói chung, anh P thường xuyên đánh đập con cái trong gia đình và không lo cho gia đình, Chị L khuyên ngăn nhưng không thay đổi. Vợ chồng chị L sống ly thân từ năm 2019 đến nay cũng có hoà giải đoàn tụ nhưng không thành. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án, anh P đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không đến Tòa án, thể hiện anh P không mong muốn hòa giải đoàn tụ với chị L. Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa chị L và anh P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn với anh P là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

3.2. Về con chung: Chị L và anh P trong quá trình chung sống có 02 con chung là Nguyễn Duy M, sinh ngày 17/02/2009 và cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 25/02/2013. Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn và tạm thời không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy rằng, cháu M và cháu T còn nhỏ cần sự nuôi dưỡng, chăm sóc từ mẹ để các con phát triển toàn diện về mọi mặt cũng như ổn định về tâm sinh lý. Hơn nữa các con chung đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ là chị L. Do vậy, xét đề nghị của chị L là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

3.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3.4. Nợ chung: Không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của chị Thân Thị Ngọc L về việc: "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" với anh Nguyễn Huy P.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Thân Thị Ngọc L được ly hôn với anh Nguyễn Huy P.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Duy M, sinh ngày 17/02/2009 và cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 25/02/2013 cho chị Thân Thị Ngọc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh Nguyễn Văn Phương không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Huy P được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Nợ chung: Không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5.Về án phí: Chị Thân Thị Ngọc L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu số 0009528 ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Chị L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Tiến Nghĩa